

Số: 3636 /BC-SYT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 5 năm 2022

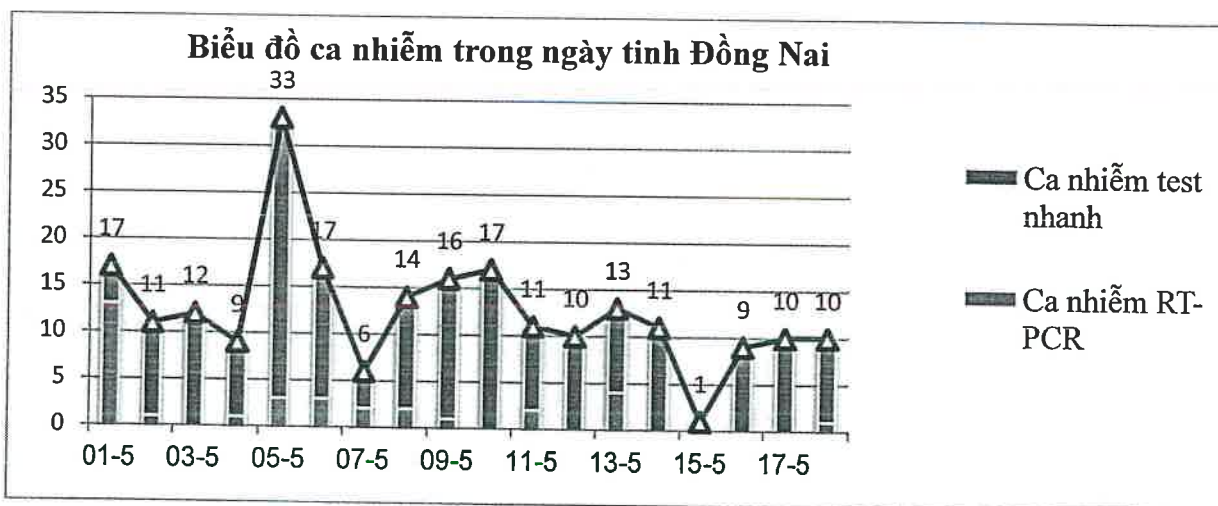
BÁO CÁO NGÀY

**Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 18/5/2022**

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	0	5	5	0	0	5	51.093	104.862	155.955
2	Nhơn Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.490	61.869
3	Vĩnh Cửu	0	4	4	0	0	4	13.946	25.310	39.256
4	Trảng Bom	1	0	1	0	0	1	9.695	24.830	34.525
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.016	27.106
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.872	17.968
8	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.074	16.001	17.075
9	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	773	15.559	16.332
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	1.682	13.590	15.272
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
Tổng số		1	9	10	0	0	10	106.679	312.739	419.418

* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

**Nhận xét:**

- Trong ngày ghi nhận 10 ca mắc mới, trong đó 01 ca phát hiện bằng xét nghiệm RT-PCR và 09 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.418 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Công tác y tế**1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:**

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	00	00	44.104	44.104
Cách ly tại nhà	04	94	384.934	385.028
Theo dõi sức khỏe	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị**2.1. Tình hình điều trị**

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	10	95	527	417.360	00	1.963	06
Tỉ lệ		0,02%		99,51%		0,47%	6,32%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 07 ca (trong đó có 06 ca phải thở oxy)

- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 88 ca

- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**

- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0,06**

- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0,06%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	7	320
Tầng 2	3.821	0	3.821
Tầng 1	5.544	0	5.544

Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể, hiện toàn tỉnh chỉ còn 05 ca điều trị tại cơ sở y tế, trong đó có 04 ca cần thở oxy.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	0	48	166.941	167.072
2	Long Khánh	0	4	13.938	13.942
3	Vĩnh Cửu	0	6	29.504	29.533
4	Định Quán	0	6	17.490	17.496
5	Tân Phú	0	9	16.042	16.051
6	Trảng Bom	0	1	13.861	13.862
7	Thống Nhất	0	1	16.431	16.439
8	Xuân Lộc	0	0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	0	4	15.447	15.452
10	Long Thành	0	0	38.452	38.452
11	Nhon Trạch	0	9	42.480	42.490
	Tổng	0	88	384.293	384.507

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 17/5/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 4595/UBND-KGVX ngày 12/5/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3377/KH-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 40.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 5.471 liều vắc xin phòng COVID-19, trong đó có 5.119 liều tiêm cho trẻ từ 5 dưới dưới 12 tuổi. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.535.883 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 104,99% ; Mũi 2: 96,62% ; Mũi 3: 50,30%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70%

(Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,26%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,45%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 45,42%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	50	01	2.324.947	317.906
RT-PCR mẫu đơn	48	02	2.146.771	282.849
RT-PCR mẫu gộp	01	00	383.825	35.212
Lượt người thực hiện PCR	51	02	3.973.471	282.849

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

+ 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

+ 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 10 ca mắc mới, trong đó 01 ca phát hiện bằng xét nghiệm RT-PCR và 09 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2. Trên địa bàn tỉnh đang theo dõi 95 ca mắc COVID-19 bao gồm 07 ca theo dõi tại cơ sở y tế, trong đó có 06 ca phải hỗ trợ thở oxy.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.418 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 104,99% ; Mũi 2: 96,62% ; Mũi 3: 50,30%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỉ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỉ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,26%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,45%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 45,42%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 14/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**

+ Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;

+ Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1 .

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" (thay thế Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế).

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung



Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế
(Cập nhật đến ngày 14/5/2022 tại Báo cáo số 419/BC-KSĐT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	11	100%	170	100%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	00	0%	00	0%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	00	0%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	00	0%

Tỉnh Đồng Nai: Cấp 1

- Đánh giá Mức độ lây nhiễm: Mức độ 1
- Đánh giá Khả năng đáp ứng: Khả năng cao
- Tỉ lệ tử vong trong tuần ở mức dưới 6/100.000 dân

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị				Phụ nữ có thai	BN >= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận				
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi	Số ca đang điều trị	Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện					HFNC	Thở oxy trung bình	Biểu hiện lâm sàng	Nhẹ và Không triệu chứng
TÁNG 3																					
1	BVĐN/HSTC	40	50	1					4		513			3			4				
2	BVTN/THSTC	200	50	1	0	0	0	4	330	613	566	1		3							
3	BVĐKKVLK/HSTC															0	0	4			
4	BVĐKKVLT/HSTC																				
5	BV Nhi ĐN/HSTC	20	10	0	0	0	0	0	5	9	1	0	0	0	0	0	0	10			
Tổng cộng (tầng 3)		280	130	2	0	0	0	8	335	1135	567	1	0	6	0	0	8	10			

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 17/5/2022)



TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên									
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4	
1	Biên Hòa	1.067.510	1.124.480	105,34%	1.072.598	100,48%	462.112	43,29%	0	0,00%	
2	Long Khánh	152.596	146.907	96,27%	136.210	89,26%	85.512	56,04%	0	0,00%	
3	Long Thành	243.125	258.379	106,27%	233.609	96,09%	133.896	55,07%	0	0,00%	
4	Nhơn Trạch	284.738	273.429	96,03%	222.557	78,16%	126.567	44,45%	0	0,00%	
5	Thống Nhất	157.127	159.163	101,30%	144.148	91,74%	70.111	44,62%		0,00%	
6	Trảng Bom	329.612	329.014	99,82%	292.803	88,83%	172.419	52,31%	0	0,00%	
7	Vĩnh Cửu	152.991	165.183	107,97%	160.636	105,00%	96.057	62,79%	0	0,00%	
8	Xuân Lộc	217.600	221.981	102,01%	206.072	94,70%	114.002	52,39%	1	0,00%	
9	Cẩm Mỹ	130.504	129.378	99,14%	120.622	92,43%	80.003	61,30%	0	0,00%	
10	Định Quán	172.833	169.970	98,34%	160.424	92,82%	96.096	55,60%	0	0,00%	
11	Tân Phú	146.636	154.541	105,39%	140.707	95,96%	67.947	46,34%	0	0,00%	
	Đồng Nai	2.991.358	3.140.775	104,99%	2.890.386	96,62%	1.504.722	50,30%	1	0,00%	

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 17/5/2022)

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi										Người từ 5 đến 11 tuổi					
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2		
1	Biên Hòa	93.343	18	90.512	96,97%	85.443	91,54%	0	0,00%	105.514	2.561	47.148	44,68%	0	0,00%		
2	Long Khánh	15.466	0	15.466	100,00%	14.862	96,09%	0	0,00%	16.359	0	7.323	44,76%	0	0,00%		
3	Long Thành	27.269	8	27.326	100,21%	24.701	90,58%	0	0,00%	24.790	40	10.900	43,97%		0,00%		
4	Nhom Trạch	18.215	24	19.565	107,41%	16.888	92,71%	0	0,00%	22.771	771	10.112	44,41%	0	0,00%		
5	Thống Nhất	14.905	0	15.728	105,52%	14.162	95,02%		0,00%	20.979	0	8.490	40,47%		0,00%		
6	Trảng Bom	34.961	0	33.558	95,99%	33.743	96,52%	0	0,00%	28.980	1.038	16.226	55,99%	0	0,00%		
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.972	99,55%	14.428	95,93%	0	0,00%	16.802	0	8.350	49,70%	0	0,00%		
8	Xuân Lộc	22.654	0	22.467	99,17%	21.456	94,71%	0	0,00%	28.901	134	10.283	35,58%	0	0,00%		
9	Cẩm Mỹ	12.810	0	12.667	98,88%	11.836	92,40%	0	0,00%	15.417	227	6.515	42,26%	0	0,00%		
10	Định Quán	20.291	24	20.255	99,82%	19.598	97,08%	0	0,00%	22.562	326	10.791	47,83%	0	0,00%		
11	Tân Phú	17.908	3	17.178	95,92%	16.450	91,86%	0	0,00%	16.926	22	9.216	54,45%	0	0,00%		
	Đồng Nai	292.862	77	289.694	98,92%	273.667	93,45%	0	0,00%	320.001	5.119	145.354	45,42%	0	0,00%		